

Số:19/2015/BCKT-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 02 năm 2015, từ trang 08 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc - Đặng Quốc Việt

Chúng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0626-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Kiểm toán viên – Đỗ Hoàng Chương

Chúng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2662-2014-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. Tài sản ngắn hạn		25.615.039.987	30.213.850.067
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	22.183.703.620	9.887.744.643
111	1 Tiền		1.183.703.620	4.887.744.643
112	2 Các khoản tương đương tiền		21.000.000.000	5.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	-	12.000.000.000
121	1 Đầu tư ngắn hạn		-	12.000.000.000
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.276.908.757	7.889.767.406
131	1 Phải thu khách hàng	V.3	2.232.146.958	7.722.989.535
132	2 Trả trước cho người bán	V.4	43.444.026	165.760.125
135	5 Các khoản phải thu khác	V.5	1.317.773	1.017.746
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	216.034.989	392.378.264
141	1 Hàng tồn kho		241.962.989	392.378.264
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(25.928.000)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		938.392.621	43.959.754
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	72.866.621	20.859.754
158	5 Tài sản ngắn hạn khác	V.8	865.526.000	23.100.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.682.706.243.808	1.512.570.210.240
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.682.484.974.849	1.511.908.280.323
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.9	1.682.191.112.085	1.511.908.280.323
222	- Nguyên giá		1.740.690.941.401	1.569.626.957.359
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.499.829.316)	(57.718.677.036)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	293.862.764	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		221.268.959	661.929.917
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.11	221.268.959	661.929.917
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.708.321.283.795	1.542.784.060.307

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		18.478.845.285	16.913.503.976
310	I. Nợ ngắn hạn		18.478.845.285	16.913.503.976
312	2 Phải trả người bán	V.12	8.257.847.824	5.951.937.974
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	207.315.076	1.144.330.023
315	5 Phải trả người lao động	V.14	3.610.608.173	6.045.673.310
316	6 Chi phí phải trả	V.15	1.497.029.357	-
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.16	329.934.010	218.230.822
323	11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	4.576.110.845	3.553.331.847
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.689.842.438.510	1.525.870.556.331
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	1.689.842.438.510	1.525.870.556.331
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.18.1	1.685.997.333.753	1.519.478.941.468
417	7 Quỹ đầu tư phát triển	V.18.2	-	1.207.471.770
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.18.3	3.813.833.685	5.152.872.021
421	11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	V.18.4	31.271.072	31.271.072
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.708.321.283.795	1.542.784.060.307

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4 Nợ khó đòi đã xử lý		6.885.287	6.885.287

Người lập biểu

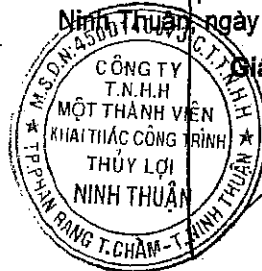
Lê Phước

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Thông

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Phạm Văn Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2014

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	70.732.433.781	68.350.590.230
2	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.19	70.732.433.781	68.350.590.230
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.20	64.170.720.158	59.591.647.539
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.561.713.623	8.758.942.691
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.21	2.078.985.137	1.116.746.137
22	7 Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8 Chi phí bán hàng		-	-
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.22	5.008.573.427	5.155.465.883
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.632.125.333	4.720.222.945
31	11 Thu nhập khác	VI.23	998.898.039	1.301.582.488
32	12 Chi phí khác	VI.24	31.843.730	67.333.282
40	13 Lợi nhuận khác		967.054.309	1.234.249.206
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.599.179.642	5.954.472.151
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.25	785.345.957	801.600.130
52	16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		3.813.833.685	5.152.872.021

330482-
CÔNG T
CH NHIỆM H
KIỂM TO
AN TÂM
CHI NHẢ
TP. HỒ CHÍ
- T.P. HỒ

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Phước

Nguyễn Thị Minh Thông



Phạm Văn Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2014

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		77.523.271.667	65.163.029.284
2	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(44.882.811.285)	(41.165.627.578)
3	3 Tiền chi trả cho người lao động		(22.497.822.693)	(13.167.031.140)
4	4 Tiền chi trả lãi vay		-	-
5	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.504.339.578)	(758.746.810)
6	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.445.522.999	700.175.337
7	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.941.939.369)	(6.587.882.198)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		141.881.741	4.183.916.895
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.9	(78.470.000)	-
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	56.819.182
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(50.000.000.000)	(36.000.000.000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		62.000.000.000	24.000.000.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.21	2.078.985.137	1.116.746.137
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.000.515.137	(10.826.435.681)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	VII	-	-
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.846.437.901)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.846.437.901)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.295.958.977	(6.642.518.786)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	9.887.744.643	16.530.263.429
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	22.183.703.620	9.887.744.643

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Giám đốc

Lê Phước

Nguyễn Thị Minh Thông



Phạm Văn Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2014 của Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Công ích - Sản xuất - Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

- Hoạt động công ích: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi, thu thủy lợi phí và tiền cung cấp nước.
- Hoạt động kinh doanh: Nhận thầu khảo sát thiết kế, xây dựng cơ bản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm Công ty thay đổi điều lệ hoạt động theo quy định tại Nghị Định 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ; được phê duyệt theo Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, chuyển đổi mô hình từ Hội đồng thành viên sang mô hình Chủ tịch công ty.

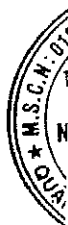
II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).



III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính; Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Nguyên tắc ghi nhận của các chỉ tiêu Báo cáo tài chính

Các chỉ tiêu Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở Chế độ tài chính kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (CMKT) có liên quan.

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

3482
ÔNG
NHĨEM
IEM T
N TẢ
CHI NH
J TP. HỒ C
T.P.I

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên

(theo Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013)

4.1. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc (không bao gồm công trình thủy lợi)	25
- Máy móc và thiết bị	10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10
- Tài sản cố định khác	5 – 10

Tài sản cố định hữu hình là các công trình thủy lợi như kênh mương thủy lợi, hồ, đập, được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận giao quản lý và khai thác thì không trích khấu hao theo Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2009 (Hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công). Bổ sung theo Thông Tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp: phân bổ 2 lần: 50% khi xuất dùng và 50% khi báo hỏng.

7. Chi phí phải trả

Là khoản chi phí mà doanh nghiệp trích trước để tu sửa tài sản cố định nhưng chưa thực hiện theo các khoản mà dự toán đã lập đồng thời phân bổ theo từng công trình một khi quyết toán.

8. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% tiền lương tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.



9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

10. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

11. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Chủ sở hữu hàng năm.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ **Doanh thu thủy lợi phí**

Doanh thu thủy lợi phí gồm:

- Doanh thu ngân sách cấp bù miễn thu thủy lợi phí là khoản tiền được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù trên cơ sở nghiệm thu diện tích tưới mà công ty thực hiện được với các tổ chức, cá nhân đơn vị dùng nước theo hợp đồng tưới và nghiệm thu thanh lý diện tích.
- Doanh thu cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi phí) là khoản tiền thực tế đã thu được trong năm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng tưới nước.
- Doanh thu hợp đồng cấp nước cho nhà máy nước sản xuất nước sạch, các nhà máy sản xuất công nghiệp (tiền nước) là khoản tiền được khách hàng chấp nhận thanh toán theo Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng

Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

338482
CÔNG
CH NHẬN
KIỂM
AN TÃ
CHI NH
TẠI TP. HỒ
C. T. P.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- a. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- b. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

13. **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết

Doanh thu HĐXD được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HĐXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

14. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



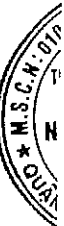
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	3.125.799	5.501.161
- Tiền gửi ngân hàng	1.180.577.821	4.882.243.482
- Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	22.183.703.620	9.887.744.643
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	12.000.000.000
Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng trở lên tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận.		
3. Phải thu khách hàng		
- Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	1.105.476.511	5.104.040.648
- Công an Tỉnh Ninh Thuận	421.896.265	2.211.707.834
- BQL Dự án Khai thác công trình thủy lợi	674.774.182	345.392.165
- Công ty TNHH TM & XD Sơn Long Thuận	-	26.195.400
- Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn Ninh Thuận	-	20.653.488
- Công ty TNHH TM & DV Ngọc châu	-	15.000.000
- Nguyễn Ngọc Châu	30.000.000	-
Cộng	2.232.146.958	7.722.989.535
4. Trả trước cho người bán		
- Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận	8.376.026	16.711.712
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	10.000.000	-
- Công ty TNHH Thuận Phú	25.068.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng ADC	-	132.530.010
- Các đối tượng khác	-	16.518.403
Cộng	43.444.026	165.760.125



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Năm 2014

5.	Các khoản phải thu khác	1.317.773	1.017.746
	Khoản Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa.		
6.	Hàng tồn kho		
-	Nguyên liệu, vật liệu	238.332.989	388.748.264
-	Công cụ, dụng cụ	3.630.000	3.630.000
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	241.962.989	392.378.264
-	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.928.000)	-
	Giá trị thuần có thể thực hiện của HTK	216.034.989	392.378.264
7.	Thuế và các khoản phải thu của nhà nước		
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	72.866.621	-
-	Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa	-	20.859.754
	Cộng	72.866.621	20.859.754
8.	Tài sản ngắn hạn khác		
-	Tạm ứng	45.900.000	23.100.000
-	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	819.626.000	-
	Cộng	865.526.000	23.100.000

(*) Khoản ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh Ninh Thuận.

B2-0
 NG T
 NIỆM HỮ
 Á TỐP
 TÂM
 NHÂN
 HỒ CHÍ
 P HỒ

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2014

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		1.566.759.426.312	370.082.855	2.189.277.792	308.170.400	-	1.569.626.957.359
- Mua trong năm		-	-	-	40.470.000	38.000.000	78.470.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành		4.755.959.957	-	-	-	-	4.755.959.957
- Tăng do phê duyệt (a)		170.212.585.403	-	-	-	-	170.212.585.403
- Giảm do phê duyệt (a)		(3.694.193.118)	-	-	-	-	(3.694.193.118)
- Giảm do thanh lý (b)		(237.900.000)	-	-	-	-	(237.900.000)
- Giảm khác		(50.938.200)	-	-	-	-	(50.938.200)
- Số cuối năm		1.737.744.940.354	370.082.855	2.189.277.792	348.640.400	38.000.000	1.740.690.941.401
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		55.550.252.210	342.064.855	1.561.664.691	264.695.280	-	57.718.677.036
- Khấu hao trong năm		873.328.459	10.776.000	110.827.781	22.850.040	1.270.000	1.019.052.280
- Giảm do thanh lý (b)		(237.900.000)	-	-	-	-	(237.900.000)
- Số cuối năm		56.185.680.669	352.840.855	1.672.492.472	287.545.320	1.270.000	58.499.829.316
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		1.511.209.174.102	28.018.000	627.613.101	43.475.120	-	1.511.908.280.323
- Tại ngày cuối năm		1.681.559.259.685	17.242.000	516.785.320	61.095.080	36.730.000	1.682.191.112.085
Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng đang sử dụng							
- Tại ngày đầu năm		381.000.000	337.752.855	681.000.000	106.170.000	-	1.505.922.855
- Tại ngày cuối năm		327.947.179	337.752.855	1.081.000.000	62.800.000	-	1.809.500.034

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- (a) Tài sản cố định ghi nhận trong năm theo các Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận về việc nhận bàn giao các công trình thủy lợi và điều chỉnh tăng, giảm tổng giá trị công trình được phê duyệt theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời ghi tăng, giảm nguồn Vốn chủ sở hữu tại Công ty. (Thuyết minh số V.18.1).
- (b) Tài sản cố định ghi giảm do tháo dỡ để xây dựng mới Nhà kho và xưởng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

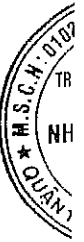
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

- Tu sửa rãnh thoát nước và đắp bổ sung mái hạ lưu đập đầu mới Sông Sắt	5.837.200	-
- Nạo vét kênh N3 đoạn K0-K0+210 hệ thống thủy lợi Lanh Ra	288.025.564	-
Cộng	293.862.764	-

11. Chi phí trả trước dài hạn

Là Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng. Tình hình tăng giảm trong năm như sau:

- Số đầu năm	661.929.917	417.181.500
- Tăng trong năm	265.192.000	134.805.000
- Chuyển từ giá trị còn lại của các Tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 Đồng (*)	0	266.018.875
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	(705.852.958)	(156.075.458)
- Số cuối năm	221.268.959	661.929.917



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

12. Phải trả người bán

- Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Hà Thy	146.714.700	-
- Vũ Văn Nội	154.436.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phan Rang Thành	102.727.576	-
- Phùng Quốc Trung	184.799.000	-
- Công ty TNHH Ninh Phát	248.107.024	-
- Dương Văn Vĩnh	155.536.002	76.643.000
- Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	169.284.870	170.555.927
- Công ty TNHH TVĐT và Xây dựng Thái Hà	204.942.330	177.484.069
- Công ty Cổ phần TVĐT Xây dựng Phan Rang	44.806.041	102.727.576
- Nguyễn Thị Xuân	47.001.364	239.519.000
- Doanh nghiệp tư nhân DV và TM Minh Thịnh	61.042.369	169.851.269
- Công ty CP Thiết kế và Xây dựng DCJ	98.382.437	61.498.819
- Phùng Đình Thanh	276.107.063	429.830.507
- Nguyễn Vĩnh Phúc	357.305.000	211.128.000
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh	548.627.855	151.936.612
- Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung	1.557.771.921	239.483.895
- Nguyễn Văn Bội	3.106.171.722	3.488.835.541
- Các khoản phải trả khác	794.084.550	432.443.759
Cộng	8.257.847.824	5.951.937.974

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế Giá trị gia tăng	144.550.655	446.806.538
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	643.766.706
- Thuế Thu nhập cá nhân	35.979.742	-
- Thuế Tài nguyên	26.784.679	53.756.779
Cộng	207.315.076	1.144.330.023

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

Thuế giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế phải nộp : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng:

Thuỷ lợi phí : Không chịu thuế

Cung cấp nước : 5%

Các hoạt động khác : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập tính thuế.

Công ty được miễn Thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thu tiền thủy lợi phí cấp bù và không cấp bù (trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp) nhưng do không tách được chi phí cho từng hoạt động nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí theo tiêu thức doanh thu đối với hoạt động thu tiền thủy lợi phí (cấp bù và không cấp bù), dịch vụ cung cấp nước cho các nhà máy sản xuất nước sinh hoạt, công nghiệp.

Thuế Tài nguyên

Thuế Tài nguyên được tính cho việc sử dụng nước mặt.

Cách xác định Thuế Tài nguyên nước là: lượng nước sử dụng (m³)*giá tính thuế (2.000đ)* thuế suất.

Thuế suất áp dụng:

Sản xuất nước sạch : 1%

Phục vụ sản xuất : 3%

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất phải nộp xác định theo hợp đồng thuê đất số 17/KI//HĐ-TĐ ngày 28/11/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

14. Phải trả người lao động 3.610.608.173 6.045.673.310

Tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản còn phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

15. Chi phí phải trả

- Trích trước chi phí duy tu, sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi	1.463.754.357	-
- Phí kiểm toán còn phải trả	33.275.000	-
Cộng	1.497.029.357	-

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn	6.858.372	595.400
- Bảo hiểm xã hội	5.580.122	5.549.744
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	317.495.516	212.085.678
Cộng	329.934.010	218.230.822

17. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

- Quỹ Khen thưởng	3.101.461.844	2.443.211.261
- Quỹ Phúc lợi	1.474.649.001	1.087.434.594
- Quỹ Khen thưởng Ban Quản lý Điều hành Công ty	-	22.685.992
Cộng	4.576.110.845	3.553.331.847

18. Vốn chủ sở hữu

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
18.1	Vốn đầu tư của CSH	1.519.478.941.468	170.212.585.403	3.694.193.118	1.685.997.333.753
18.2	Quỹ đầu tư phát triển	1.207.471.770	-	1.207.471.770	-
18.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.152.872.021	3.813.833.685	5.152.872.021	3.813.833.685
18.4	Nguồn vốn đầu tư XDCB	31.271.072	-	-	31.271.072
	TỔNG CỘNG	1.525.870.556.331	174.026.419.088	10.054.536.909	1.689.842.438.510

18.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm do nhận bàn giao Tài sản cố định và phê duyệt tăng giá trị quyết toán các công trình thủy lợi của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong năm theo Quyết định số 1202/QĐ-UB ngày 11/6/2014 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận về phê duyệt khoản điều chỉnh giảm giá trị quyết toán công trình Hồ Tà Ranh.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

18.2 Quỹ Đầu tư phát triển

Quỹ Đầu tư phát triển giảm trong năm do phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp theo quy định.

18.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (PP)

Lợi nhuận chưa PP năm trước		5.152.872.021
- Phân phối lợi nhuận của năm trước		(5.152.872.021)
+ Chuyển tiền nộp vào "Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển Doanh nghiệp"	(638.966.131)	
+ Trích Quỹ Khen thưởng	(3.068.708.083)	
+ Trích Quỹ Phúc lợi	(1.315.160.607)	
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(130.037.200)	
Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay		0
Lợi nhuận sau thuế năm nay		<u>3.813.833.685</u>
Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau		<u>3.813.833.685</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ (tiền nước)	11.426.402.853	9.502.350.446
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.082.775.265	4.751.343.373
- Doanh thu thủy lợi phí phải thu	406.819.800	383.467.600
- Doanh thu cấp bù miễn thu thủy lợi phí	54.816.435.863	53.713.428.811
Cộng	<u><u>70.732.433.781</u></u>	<u><u>68.350.590.230</u></u>
20. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.814.571.000	4.399.044.400
- Giá vốn cấp bù thủy lợi phí	60.356.149.158	55.192.603.139
Cộng	<u><u>64.170.720.158</u></u>	<u><u>59.591.647.539</u></u>

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

21. Doanh thu hoạt động tài chính	2.078.985.137	1.116.746.137
Khoản lãi tiền gửi ngân hàng trong năm.		
22. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.544.191.997	2.709.812.861
- Chi phí vật liệu quản lý	90.926.500	113.596.900
- Chi phí đồ dùng văn phòng	329.432.598	28.759.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	305.021.848	260.814.576
- Thuế, phí và lệ phí	98.212.088	98.983.988
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.660.646	323.268.002
- Chi phí bằng tiền khác	1.191.127.750	1.620.230.556
Cộng	5.008.573.427	5.155.465.883
23. Thu nhập khác		
- Thu từ hoạt động thanh lý Tài sản cố định	-	62.895.455
- Thu từ việc tu sửa các công trình thủy lợi	507.988.948	1.108.171.735
- Sở Tài chính chuyển tiền nhiên liệu chống hạn năm 2013	450.000.000	-
- Thu nhập khác	40.909.091	130.515.298
Cộng	998.898.039	1.301.582.488
24. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý Tài sản cố định	12.811.421	3.487.500
- Điều chỉnh quyết toán công trình năm trước	15.394.388	63.845.782
- Chi phí khác	3.637.921	-
Cộng	31.843.730	67.333.282



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

25. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	4.599.179.642	5.954.472.151
- Chi phí không hợp lý theo Luật thuế	199.270.643	116.112.795
- Trừ thu nhập không chịu thuế	(1.228.695.933)	(2.864.184.427)
<i>Tổng thu nhập chịu thuế</i>	3.569.754.352	3.206.400.519
- Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	785.345.957	801.600.130

VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

- * Trong năm, Công ty đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận giao tài sản cố định với số tiền là 169.555.303.861 Đồng, và điều chỉnh tăng giá trị tài sản cố định lên 657.281.542 Đồng theo Biên bản phê duyệt quyết toán giá trị công trình của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tương ứng với giá trị nêu trên.
- * Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong năm theo Quyết định số 1202/QĐ-UB ngày 11/6/2014 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận về phê duyệt khoản điều chỉnh giảm giá trị quyết toán công trình Hồ Tà Ranh với giá trị là 3.694.193.118 Đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các khoản kinh phí cấp bù thủy lợi phí**

Doanh thu thủy lợi phí cấp bù được miễn Công ty tính trên cơ sở Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh diện tích tưới miễn thu thủy lợi phí năm 2014; Quyết định 112/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí năm 2014 của công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là: 54.816.435.863 đồng.

Trong đó doanh thu cấp bù miễn thủy lợi phí được ngân sách thực cấp trong năm 2014 là 53.713.000.000 đồng, còn thiếu ngân sách phải cấp bổ sung còn thiếu theo quyết định phê duyệt quyết toán của năm 2014 là: 1.103.435.863 đồng.

Số tiền thủy lợi phí ngân sách cấp bù qua các năm, từ năm 2013 trở về trước còn thiếu là 2.040.648 đồng (do số lẽ cộng dồn từ năm 2009, 2010, 2011, 2012 và 2013).



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

2. Thông tin về Quỹ tiền lương năm 2014

Về việc quyết toán quỹ tiền lương của viên chức quản lý và thủ lao Hội đồng thành viên (Chủ tịch Công ty), Kiểm soát viên không chuyên trách công ty căn cứ theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP và Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH; đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo biên bản họp ngày 21/01/2015.

Văn bản số 545/UBND-TH ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quỹ lương, thủ lao viên chức quản lý năm 2014 của công ty Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận để chi trả.

Tiền lương người lao động thực hiện theo Nghị định 50/2013/NĐ-CP và Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH; Thông tư 220/2013/TT-BTC; Công ty lập và trình hội đồng tiền lương của tỉnh thẩm định quỹ lương thực hiện năm 2014 và đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo biên bản họp ngày 21/01/2015; Quyết định số 10/QĐ-CT ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch công ty về việc phê duyệt quyết toán tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là 18.634.777.236 Đồng.

3. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2014

Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện các văn bản luật có hiệu lực trong năm 2014 sau đây:

- ❖ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014: "Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 08 năm 2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 trở đi.
- ❖ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2014: "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế". Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

182-
NG
HIEM
M TC
TAP
NH
P. HOC
T.P.V

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

4. Thông tin khác

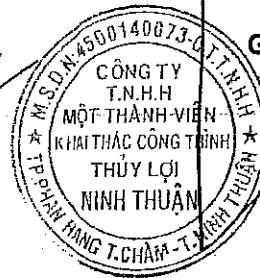
Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014: "hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký (ngày 05/02/2015) và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Phước

Nguyễn Thị Minh Thông

Phạm Văn Hương

